TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 434/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 10 – 2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, Ca tài sản chung, nợ chung*"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Phước Tân;

2/ Bà Dương Thị Thuý Duy

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn N Trà Mi – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung, Ca tài sản chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 693/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1990 - địa chỉ: Tổ 16, ấp Phú Trung, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị Phụng K**, sinh năm 1993 - địa chỉ: Tổ 22, ấp Phú Trung, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*:

Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Phú Thuận, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bà **Huỳnh Thị Mỹ C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 16, ấp Phú Trung, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Hôn nhân giữa ông với bà K được xác lập trên cơ sở do cha mẹ hai bên định đoạt và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 04/8/2014. Thời gian chung sống không có hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Sau đó cả hai đã ly thân từ 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chúng tôi không có động thái gì hàn gắn lại tình cảm gia đình. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung gồm Phạm Hứa L, sinh ngày 23/7/2010 và Phạm Thành D sinh ngày 27/56/2015, hiện nay sống với cha. Ly hôn yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn là bà K có văn bản trình bày ý kiến: Thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống. Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung. Về tài sản chung có 4.000m^2 đất ruộng do cha, mẹ chồng cho nhưng hiện ông H đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, nếu ly hôn yêu cầu chia đôi. Nợ chung có thiếu ông Huỳnh Văn T 40.000.000 đồng, nợ bà Huỳnh Thị Mỹ C 35.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị N 40.000.000 đồng, yêu cầu ông H cùng trả nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N có văn bản trình bày: Bà có cho bà K mượn 40.000.000 đồng, tuy nhiên bà không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn T có văn bản trình bày: Ông có cho vợ chồng ông H mượn 50.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng chưa trả. Nay yêu cầu ông H, bà K cùng trả khoản nợ trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Mỹ C không có văn bản trình bày ý kiến về khoản nợ chung mà bà K nêu.

Tòa án đã tổ chức hoà giải để các đương sự hàn gắn lại tình cảm gia đình, tuy nhiên ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý đoàn tụ, bà K có mặt không đồng ý ly hôn nhưng có nguyện vọng muốn nuôi con chung nếu ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung và được ông H thống nhất về khoản nợ của ông Huỳnh Văn T, riêng tài sản chung và khoản nợ của bà C, bà N không được ông H thừa nhận. Ông T có mặt yêu cầu ông H và bà K cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ còn thiếu, riêng bà N không yêu cầu.

Tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ các đương sự không bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Con chung là các cháu L, D có ý kiến: Các cháu đang sống với cha và không muốn cha, mẹ ly hôn, muốn mẹ nghỉ làm ở Đồng Nai để về sống với cha và các cháu.

Tại phiên toà:

Bà N có đơn xin vắng mặt.

Ông H có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về nợ chung đồng ý cùng bà K trả cho ông T 40.000.000 đồng.

Bà K đồng ý ly hôn. Về con chung yêu cầu nuôi cả hai con chung và không cần cấp dưỡng. Bà K cho biết nếu được giao quyền nuôi con thì bà sẽ dẫn con theo lên chỗ làm nhưng bà không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con vì làm công nhân nên không có thời gian. Về nợ chung: Khoản nợ ông T là cả hai vợ chồng cùng đi hỏi mượn, thống nhất cùng ông H trả cho ông T, mỗi người 1/2. Tài sản chung là 4.000m^2 đất ruộng do ông H đứng tên, sẽ kiện riêng và lý do bà không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này là do còn thương chồng.

Ông T có yêu cầu ông H phải trả cho ông khoản nợ 40.000.000 đồng vì nếu buộc cả bà K thì thiệt thòi do bà K là em ông.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Tnh phần Hội đồng xét xử, thư ký không có Tnh viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của ông H và bà K có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, cấp dưỡng: Hiện nay con chung đang sống với ông H. Mặc dù các cháu không nói rõ nguyện vọng muốn sống với ai nhưng để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, đề nghị giao con chung cho ông H nuôi, bà K không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung:

Bà K khai tài sản chung là 4.000m^2 đất nông nghiệp toạ lạc tại xã P, do ông H đứng tên QSDĐ và yêu cầu chia đôi. Tuy nhiên bà không nộp tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu này, do vậy đề nghị không xem xét, giải quyết mà sẽ giải quyết trong vụ án khác khi bà K yêu cầu.

Nợ chung: Bà N không yêu cầu, bà C được tống đạt hợp lệ thông báo của Toà án nhưng không có ý kiến. Do vậy, không xem xét. Riêng ông T có yêu cầu và nộp tạm ứng án phí, khoản nợ này cũng được ông H thừa nhận nên buộc ông H và bà K cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

- Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông H, bà K phải chịu án phí về việc thanh toán nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bà K; bà K yêu cầu chia tài sản chung; ông T có yêu cầu ông H và bà K thanh toán khoản nợ đã mượn. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về việc vắng mặt của đương sự:

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông H và bà K có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của ông H thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà K không quan tâm chăm sóc chồng con và hiện không còn chung sống, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của 02 con về tình trạng hôn nhân của ông H, bà K. Thời gian không còn chung sống đã lâu nhưng các đương sự không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình và trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà K không đồng ý ly hôn nhưng nguyên nhân không sống chung theo bà là do cha, mẹ ông H không đồng ý cho ông, bà chung sống tiếp tục. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nếu bà K vẫn còn thương yêu chồng con, mong muốn hàn gắn lại tình cảm gia đình thì bà sẽ có biện pháp nhưng bà chỉ nói mà không nêu ra được phương pháp cũng như đã thực hiện bằng hành động hay chưa; đồng thời ông H cũng không có thiện chí muốn chung sống lại và tại phiên tòa bà K cũng thuận tình ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[3] Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Có 02 con chung như ông H, bà K trình bày. Mặc dù các cháu đều có nguyện vọng không muốn cha, mẹ ly hôn và mong muốn mẹ quay về chung sống. Tuy nhiên, hiện con chung đang do ông H nuôi dạy và bà K cũng không có trực tiếp nuôi con. Xét thấy: Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của con chung và tránh sự thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ làm xáo trộn cuộc sống thường ngày, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung đang sống với ông H cho ông tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Tài sản chung: Bà K yêu cầu chia đôi 4.000m2 đất nông nghiệp toạ lạc xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang và do ông H đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Tuy nhiên bà không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định, vì vậy không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này bà có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

Nợ chung: Ông H và bà K thống nhất có nợ ông Huỳnh Văn T 40.000.000 đồng, được ông T xác nhận và có yêu cầu cả hai cùng trả nợ. Xét thấy đây là khoản nợ hình

thành trong thời kỳ hôn nhân, được ông H và bà K thừa nhận nên chấp nhận yêu cầu của ông T. Buộc ông H và bà K cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 40.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của bà N, do bà không có yêu cầu nên không xem xét. Bà C đã được tống đạt thông báo tố tụng với nội dung có liên quan đến khoản nợ mà bà K nêu nhưng bà không có ý kiến, không tham gia hoà giải nên xem như bà từ bỏ quyền yêu cầu trong vụ án này. Trường hợp bà N, bà C có yêu cầu ông H, bà K trả nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận, ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình; ông H, bà K phải chịu án phí về phần nghĩa vụ trả nợ cho ông T; ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 27, Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị Phụng K được ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119, thuộc Quyển số 1, cấp ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông H được nuôi dạy các cháu Phạm Hứa L, sinh ngày 23/7/2010 và Phạm Thành D sinh ngày 27/56/2015, hiện nay sống với ông H. Bà K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa Tnh niên.

- Về nợ chung: Buộc ông H và bà K liên đới trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn T 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

- Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0006906 ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Ông H, bà K mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông T 1.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006517 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS H.AP;
- THA H.AP;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo